

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 16 - 9 - 2022

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

Bà Hồ Lê Hoa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Kim - Kiểm sát viên.

Họ và tên: Trần Văn T, sinh năm 1985; nơi sinh: huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp A, xã HV, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn R (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); Vợ Trần Ngọc P, sinh năm 1984, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án (04 tiền án): Bản án số 72/2013/HS-ST ngày 03/4/2013 của Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, xử phạt T 06 tháng tù giam về tội “ Trộm cắp tài sản”, T chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 26/6/2013 nhưng chưa hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm; Bản án số 01/2015/HS-ST ngày 13/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, xử phạt T 01 năm tù giam về tội “ Trộm cắp tài sản”, Bản án số 03/2016/HS-ST ngày 15/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xử phạt T 02 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 12/2018 HS-ST ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xử phạt T 02 năm 06 tháng tù giam về tội " Trộm cắp tài sản". Tiền sự: Không; nhân thân: bị cáo có 04

tiền án chưa xóa án tích, chưa bị xử phạt hành chính; Bị bắt tạm giữ, tạm giam: Ngày 27/5/2022; " có mặt"

-Bị hại: Anh Võ Song D, sinh năm 1998 "có mặt"

Địa chỉ: Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 27/5/2022, T một mình điều khiển xe mô tô biển số 71B1-275.84 đi trên tuyến quốc lộ 63 từ huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang về TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau với mục đích tìm tài sản để trộm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến 08 giờ cùng ngày, T điều khiển xe đến trước nhà anh Võ Song D, quan sát thấy không có ai trong nhà, T đậu xe ngoài lộ đi vào nhà tìm tài sản. T thấy có chiếc cặp da của anh D để trên bàn, T đến mở cặp da thấy bên trong có số tiền 3.753.000 đồng nên lấy bỏ vào túi quần bên phải thì bị anh D về tới phát hiện, tri hô. Anh D điều khiển xe mô tô đuổi theo T. Lúc này, Công an xã TP đang đi tuần tra phát hiện sự việc nên cùng với anh D bắt giữ T.

Bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 29/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Trần Văn T về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ y cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội trộm cắp tài sản: Phạt bị cáo Trần Văn T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/5/2022.

Về vật chứng: Anh Du đã nhận đủ số tiền 3.753.000 đồng nên không đề nghị xem xét.

Đề nghị: Tịch thu sung công quỹ 01 (một) xe máy biển số 71B1-275.84, số khung VBDBCH023PD004158, số máy: VPDHA152FMH30004158.

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh, 01 (một) cái ví da màu nâu và số tiền 251.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của anh Võ Song Du: Về trách nhiệm hình sự: Yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật; Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu xem xét vì đã nhận đủ tài sản trộm cắp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận: Vào lúc 08 giờ ngày 27/5/2022, bị cáo đã lén lúc vào nhà anh Võ Song D lấy trộm của anh D số tiền 3.753.000 đồng.

[3] Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu đã thu thập có tại hồ sơ. Bị cáo phạm tội trong trường hợp có 04 tiền án gồm: Bản án số 72/2013/HS-ST ngày 03/4/2013 của Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, xử phạt T 06 tháng tù giam về tội “ Trộm cắp tài sản”, T chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 26/6/2013 nhưng chưa hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm; Bản án số 01/2015/HS-ST ngày 13/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, xử phạt T 01 năm tù giam về tội “ Trộm cắp tài sản”, Bản án số 03/2016/HS-ST ngày 15/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xử phạt T 02 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 12/2018 HS-ST ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xử phạt T 02 năm 06 tháng tù giam về tội " Trộm cắp tài sản" tính đến nay theo quy định chưa được xóa án nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Với những chứng cứ, hành vi đã thực hiện, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm vào tội “trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với hành vi phạm tội của bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vì bản tính tham lam, xem thường pháp luật muốn trộm cắp tài sản của người khác để sử dụng tiêu xài cá nhân và phục vụ cho lợi ích của bản thân. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ; hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng làm mất an ninh trật tự xã hội nói chung và gây hoang mang lo sợ trong quá trình gìn giữ tài sản ở địa phương nói riêng. Lỗi khi thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là lỗi cố ý. Do đó, bị cáo cần bị xử phạt với mức hình phạt thật nghiêm để phòng ngừa chung và giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Khi áp dụng hình phạt, Hội đồng xét thấy, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, số tiền trộm cắp không lớn và bị hại đã nhận lại đầy đủ, gia đình bị cáo có công với cách mạng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, bị hại đã nhận lại đủ số tiền 3.753.000 đồng bị trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Vật chứng tại vụ án: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo xác định chiếc xe biển số 71B1-275.84 là của bị cáo mua lại của người khác. Do chiếc xe máy bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ; Còn lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, 01 (một) cái ví da màu nâu và số tiền 251.000 đồng không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Bị cáo phải chịu án phí theo Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội trộm cắp tài sản.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 27/5/2022.

3. Về vật chứng tại vụ án, trách nhiệm dân sự:

Về vật chứng tại vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ 01 (một) chiếc xe máy biển số 71B1-275.84, số khung VBDBCH023PD004158, số máy: VPDHA152FMH30004158.

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, 01 (một) điện thoại di động, hiệu Redmi, 01 (một) cái ví da màu nâu và số tiền 251.000 đ (hai trăm năm mươi một nghìn đồng) theo biên lai số 0002802 ngày 09/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Bình.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/8/2022)

4. Nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và thi hành án:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng).

Bản án này là sơ thẩm, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phi Hùng – Hồ Lệ Hoa

Nguyễn Kiều Trang